

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2020/DS-PT
Ngày: 12/8/2020
V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh
Các Thẩm phán: Ông Trương Phước Tự
Ông Nguyễn Ngọc Vạng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 05 và 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2020 về “*tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 285/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp M 2, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

Đại diện theo ủy quyền: Anh Dương Nhật Đ, sinh năm 1987 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp 5, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: 2.1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1965; (Vắng mặt)

2.2. Bà Trần Thị Kim Ch, sinh năm 1967; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Luật sư Nguyễn Hồng Th – Văn phòng Luật sư Hồng Th, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

Địa chỉ: thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn H và bà Trần Thị Kim Ch, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Anh Dương Nhật Đ, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày:*

Bà Nh với vợ chồng ông Lê Văn H, bà Trần Thị Kim Ch là chỗ quen biết với nhau, nên vào ngày 16/9/2017, vợ chồng ông H, bà Ch có vay của Bà Nh số tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) có làm hợp đồng vay, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 02%/tháng. Sau đó, ngày 22/9/2017 ông H vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) có làm biên nhận, lãi suất 02%/tháng, thời hạn vay 01 tháng, từ ngày vay đến nay vợ chồng ông H, bà Ch không đóng lãi và không trả vốn.

Bà Nh yêu cầu ông H, bà Ch trả vốn vay 250.000.000 đồng ngày 16/9/2017 và lãi tính từ ngày 16/9/2017 đến tháng 5 năm 2018, thời gian 08 tháng x lãi suất 02%/tháng là 5.000.000 đồng x 08 tháng = 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Bà Nh yêu cầu ông H trả vốn 50.000.000 đồng ngày 22/9/2017 và lãi tính từ ngày 22/9/2017 đến tháng 5 năm 2018, thời gian 08 tháng x lãi suất 02%/tháng là 1.000.000 đồng x 08 tháng = 8.000.000 đồng.

Ngày 18/8/2019, Bà Nh có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông H, bà Ch trả vốn vay ngày 16/9/2017 số tiền 250.000.000 đồng và lãi trong hạn tính từ ngày 16/9/2017 đến ngày 16/10/2017 x lãi suất 01%/tháng = 2.500.000 đồng và lãi suất quá hạn từ ngày 16/10/2017 đến 16/08/2019 là 22 tháng x lãi suất 1,5%/tháng = 82.500.000 đồng.

Yêu cầu ông H, bà Ch trả vốn vay ngày 22/9/2017 số tiền 50.000.000 đồng và lãi trong hạn tính từ ngày 22/9/2017 đến ngày 22/10/2017 x lãi suất 01%/tháng = 500.000 đồng và lãi suất quá hạn từ ngày 22/10/2017 đến 22/08/2019 là 22 tháng x lãi suất 1,5%/tháng = 16.500.000 đồng.

Tổng cộng ông Lê Văn H, bà Trần Thị Kim Ch phải trả cho Bà Nh tiền vốn 300.000.000 đồng, tiền lãi 102.000.000 đồng và trả tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm.

- *Bị đơn ông Lê Văn H trình bày:*

Ngày 16/9/2017, ông H và bà Ch không có vay tiền của Bà Nh số tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), ông H không có ký tên hợp đồng vay. Không đồng ý trả vốn và lãi theo yêu cầu của Bà Nh.

Ông H thừa nhận ngày 22/9/2017 ông H có vay của Bà Nh số tiền 50.000.000 đồng, có làm biên nhận, lãi suất 8.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, không thỏa thuận thời gian vay, có đóng lãi đến 22/3/2018, thời gian 06 tháng với số tiền 72.000.000 đồng. Ông H đồng ý trả vốn vay 50.000.000 đồng và lãi còn lại.

- Bà Trần Thị Kim Ch trình bày ý kiến:

Ngày 16/9/2017, bà Ch và ông H không có vay tiền của Bà Nh số tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), bà Ch không có ký tên trong hợp đồng vay. Đối với biên nhận ngày 22/9/2017, bà Ch không có vay tiền của Bà Nh, chỉ có ông H vay của Bà Nh số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Bà Ch không đồng ý trả các khoản vốn vay và lãi theo yêu cầu của Bà Nh.

Tại bản án sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 10/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Nh yêu cầu ông Lê Văn H, bà Trần Thị Kim Ch phải có trách nhiệm liên đới trả tổng cộng vốn 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi 74.119.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu một trăm mười chín nghìn đồng).

- Ông Lê Văn H, bà Trần Thị Kim Ch phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Nh tổng cộng vốn 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi 74.119.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu một trăm mười chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Nh có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Lê Văn H, bà Trần Thị Kim Ch chưa thi hành xong số tiền vốn 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

- Về chi phí giám định: Ông Lê Văn H, bà Trần Thị Kim Ch phải có trách nhiệm liên đới trả lại bà Nguyễn Thị Nh số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Lê Văn H, bà Trần Thị Kim Ch phải nộp 18.706.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Nh được nhận lại 8.700.000 đồng (tám triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BG/2015 0005381 ngày 01/6/2018 và 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số BH/2018 0002620 ngày 21/8/2019 tại Chi cục thi hành án huyện T.

Ngày 16/3/2020, ông Lê Văn H, bà Trần Thị Kim Ch kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Nguyên đơn: Anh Dương Nhật Đ, đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Nh trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nh, giữ nguyên bản án sơ thẩm về số tiền, buộc vợ chồng ông H, bà Ch trả cho bà Nh số tiền vốn và lãi tổng cộng 374.119.000 đồng.

Ngày 06/8/2020, bà Nh có đơn đề nghị hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn tạm thời “Phong tỏa tài sản đối với người có nghĩa vụ” đối với bị đơn ông H, bà Ch.

+ Bị đơn bà Trần Thị Kim Ch và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lê Văn H trình bày: Ông H, bà Ch thay đổi yêu cầu kháng cáo là đồng ý trả cho bà Nh số tiền vốn vay 300.000.000 đồng, chỉ yêu cầu điều chỉnh lại mức lãi suất 0,75%/tháng để đảm bảo quyền lợi cho ông H, bà Ch. Ông H, bà Ch đồng ý việc nguyên đơn rút yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Kháng cáo của ông H, bà Ch nộp trong thời hạn quy định pháp luật, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, được xem là kháng cáo hợp lệ. Việc ông H vắng mặt tại phiên tòa (theo bà Ch trình bày do ông H bị bệnh), nhưng có Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H trình bày, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của ông H theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu kháng cáo của ông H, bà Ch yêu cầu điều chỉnh lãi suất 0,75% là không có căn cứ để chấp nhận. Đối với nguyên đơn bà Nh có đơn xin rút lại yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với ông H, bà Ch là tự nguyện, không trái pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, bà Ch, sửa bản án sơ thẩm về việc nguyên đơn rút yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, ông H là người kháng cáo, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên, có

luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H tại phiên tòa trình bày yêu cầu kháng cáo của ông H, nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét yêu cầu kháng cáo của ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của ông H, bà Ch đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh mức lãi suất là 0,75%/tháng.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông H, bà Ch là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi vì, ông H, bà Ch vay số tiền 250.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 16/9/2017 và số tiền vay 50.000.000 đồng ngày 22/9/2017, sau ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật (01/01/2017). Do đó, bản án sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nh có đơn đề nghị hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn tạm thời “*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*”. Xét việc xin rút yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn tạm thời của bà Nh là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, nên căn cứ khoản 1 Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận hủy bỏ việc áp dụng quyết định áp dụng biện pháp khẩn tạm thời “*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*” đối với ông H, bà Ch.

[2.3] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, bà Ch. Sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đề nghị hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn tạm thời của nguyên đơn.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.4] Xét bản án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm không tuyên trong bản án việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ khó khăn cho việc thi hành án, nên cần phải sửa bản án sơ thẩm, bổ sung trong phần tuyên án việc xử lý quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

[2.5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên ông H, bà Ch phải không chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự,

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 470 Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn H và bà Trần Thị Kim Ch.

- Sửa bản án sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 10/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Nh yêu cầu ông Lê Văn H, bà Trần Thị Kim Ch phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi 74.119.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu một trăm mười chín nghìn đồng).

2/ Ông Lê Văn H, bà Trần Thị Kim Ch phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền vốn 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi 74.119.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu một trăm mười chín nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T “*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*” đối với ông Lê Văn H và bà Trần Thị Kim Ch.

4/ Về chi phí giám định: Ông Lê Văn H, bà Trần Thị Kim Ch phải có trách nhiệm liên đới trả lại bà Nguyễn Thị Nh số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Lê Văn H, bà Trần Thị Kim Ch phải nộp 18.706.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Nh được nhận lại 8.700.000 đồng (tám triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BG/2015 0005381

ngày 01/6/2018 và 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số BH/2018 0002620 ngày 21/8/2019 tại Chi cục thi hành án huyện T.

6/ Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Văn H không phải chịu án phí phúc thẩm, ông H được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0000405 ngày 17/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Bà Trần Thị Kim Ch không phải chịu án phí phúc thẩm, bà Ch được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0000406 ngày 17/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Chi Cục THA DS huyện T;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA (H).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh

